

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Số: 2033/QĐ-BNN-CN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 04 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**VỀ VIỆC CÔNG BỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ, BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC CHĂN
NUÔI, THỦY SẢN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản;

Căn cứ Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Chăn nuôi và Chánh Văn phòng Bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính thay thế, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực chăn nuôi, thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Bãi bỏ các nội dung công bố từ số thứ tự 6 đến số thứ tự 21 bảng A và số thứ tự 1 bảng B, phần I; từ số thứ tự 6 đến số thứ tự 21 mục A và số thứ tự 1 mục B, phần II, Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 728/QĐ-BNN-CN ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong lĩnh vực chăn nuôi.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Chăn nuôi, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản, Thủ trưởng các Tổng cục; Vụ, Cục, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Trung tâm Tin học và Thống kê (Công Thông tin điện tử Bộ NN&PTNT);
- Văn phòng Bộ (Phòng KSTTHC);
- Báo Nông nghiệp Việt Nam;
- Lưu: VT, CN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Vũ Văn Tám



THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ, BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC CHĂN NUÔI, THỦY SẢN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2033/QĐ-BNN-CN ngày 04 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Phần I.

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính được thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
Thủ tục hành chính cấp trung ương						
1		Đăng ký khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi	Đăng ký khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới	Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản	Chăn nuôi, Thủy sản	Cục Chăn nuôi, Tổng cục Thủy sản
2		Công nhận thức ăn chăn nuôi mới	Công nhận thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới	Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản	Chăn nuôi, Thủy sản	Cục Chăn nuôi, Tổng cục Thủy sản
3	B-BNN-287842-TT	Công nhận thức ăn chăn nuôi được phép lưu hành tại Việt Nam	Đăng ký thức ăn chăn nuôi, thủy sản sản xuất trong nước được phép lưu hành tại Việt Nam	Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản	Chăn nuôi, Thủy sản	Cục Chăn nuôi, Tổng cục Thủy sản
4	B-BNN-287837-TT	Công nhận chất lượng thức ăn chăn	Đăng ký thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập	Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017	Chăn nuôi, Thủy sản	Cục Chăn nuôi, Tổng cục Thủy sản

		nuôi nhập khẩu chưa được phép lưu hành tại Việt Nam	khẩu được phép lưu hành tại Việt Nam	của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản		
5	B-BNN-287846-TT	Công nhận lại thức ăn chăn nuôi được phép lưu hành tại Việt Nam	Đăng ký lại thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam	Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản	Chăn nuôi, Thủy sản	Cục Chăn nuôi, Tổng cục Thủy sản
6	B-BNN-287845-TT	Công nhận thay đổi thông tin của thức ăn chăn nuôi đã được phép lưu hành tại Việt Nam	Thay đổi thông tin của thức ăn chăn nuôi, thủy sản đã được phép lưu hành tại Việt Nam	Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản	Chăn nuôi, Thủy sản	Cục Chăn nuôi, Tổng cục Thủy sản
7	B-BNN-287838-TT	Chấp thuận cho nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được phép lưu hành tại Việt Nam để giới thiệu tại các hội chợ, triển lãm, làm mẫu phân tích tại các phòng thử nghiệm	Chấp thuận cho nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản chưa được phép lưu hành tại Việt Nam để giới thiệu tại các hội chợ, triển lãm hoặc nghiên cứu, làm mẫu phân tích tại các phòng thử nghiệm	Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản	Chăn nuôi, Thủy sản	Cục Chăn nuôi, Tổng cục Thủy sản
8	B-BNN-287840-TT	Chấp thuận cho nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được phép lưu hành tại Việt Nam để sản xuất, gia công nhằm mục đích tái xuất	Chấp thuận cho nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản chưa được phép lưu hành tại Việt Nam để sản xuất, gia công nhằm mục đích xuất khẩu	Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản	Chăn nuôi, Thủy sản	Cục Chăn nuôi, Tổng cục Thủy sản

9	B-BNN-287849-TT	Chỉ định Tổ chức chứng nhận sự phù hợp chất lượng thức ăn chăn nuôi xuất khẩu, nhập khẩu	Chỉ định Tổ chức chứng nhận sự phù hợp chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu	Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản	Chăn nuôi, Thủy sản	Cục Chăn nuôi, Tổng cục Thủy sản
10	B-BNN-287850-TT	Chỉ định lại Tổ chức chứng nhận sự phù hợp chất lượng thức ăn chăn nuôi xuất khẩu, nhập khẩu	Chỉ định lại Tổ chức chứng nhận sự phù hợp chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu	Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản	Chăn nuôi, Thủy sản	Cục Chăn nuôi, Tổng cục Thủy sản
11	B-BNN-287832-TT	Kiểm tra, xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu	Đăng ký kiểm tra, xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu	Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản	Chăn nuôi, Thủy sản	Cục Chăn nuôi, Tổng cục Thủy sản, Tổ chức chứng nhận sự phù hợp chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu
12	B-BNN-287834-TT	Kiểm tra, xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi xuất khẩu	Đăng ký kiểm tra, xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu	Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản	Chăn nuôi, Thủy sản	Cục Chăn nuôi, Tổng cục Thủy sản, Tổ chức chứng nhận sự phù hợp chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu
13	B-BNN-287833-TT	Kiểm tra, xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi bị triệu hồi hoặc bị trả về	Đăng ký kiểm tra, xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản bị triệu hồi, trả về	Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản	Chăn nuôi, Thủy sản	Cục Chăn nuôi, Tổng cục Thủy sản, Tổ chức chứng nhận sự phù hợp chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu

14	B-BNN-287847-TT	Miễn kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu có thời hạn	Miễn kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu có thời hạn	Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản	Chăn nuôi, Thủy sản	Cục Chăn nuôi, Tổng cục Thủy sản
15	B-BNN-287848-TT	Kiểm tra giảm chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu có thời hạn	Kiểm tra giảm chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu có thời hạn	Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản	Chăn nuôi, Thủy sản	Cục Chăn nuôi, Tổng cục Thủy sản

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp trung ương					
1	B-BNN-287851-TT	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi	Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản	Chăn nuôi, Thủy sản	Cục Chăn nuôi, Tổng cục Thủy sản
B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh					
2	B-BNN-287856-TT	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi	Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản	Chăn nuôi, Thủy sản	Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Chi cục Thủy sản

Phần II.

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Trong nội dung, phần chữ in nghiêng là nội dung thay thế)

Thủ tục hành chính cấp Trung ương

Lĩnh vực: Chăn nuôi, Thủy sản

1. Đăng ký khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới

1.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: *Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ về Cục Chăn nuôi (đối với thức ăn chăn nuôi) hoặc Tổng cục Thủy sản (đối với thức ăn thủy sản).*

- Bước 2: *Kiểm tra nội dung hồ sơ:*

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký, Cục Chăn nuôi/Tổng cục Thủy sản có trách nhiệm kiểm tra thành phần hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đăng ký những thành phần hồ sơ chưa đạt yêu cầu để bổ sung, hoàn thiện.

Trong thời hạn không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Chăn nuôi/Tổng cục Thủy sản có trách nhiệm thành lập hội đồng hoặc tiến hành soát xét, phê duyệt nội dung đề cương khảo nghiệm, kiểm tra điều kiện cơ sở khảo nghiệm và ban hành quyết định phê duyệt nội dung đề cương khảo nghiệm. Trường hợp không ban hành quyết định phê duyệt nội dung đề cương khảo nghiệm, Cục Chăn nuôi/Tổng cục Thủy sản phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

1.2. Cách thức thực hiện: Chưa quy định.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Hồ sơ gồm:

- Đơn đăng ký khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi, thủy sản (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017);

- Đề cương khảo nghiệm;

- Bản thuyết minh điều kiện của cơ sở thực hiện khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi, thủy sản theo các tiêu chí quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 35 ngày làm việc.

- *Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ*: Không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký khảo nghiệm.

- *Thẩm định hồ sơ, thành lập Hội đồng thẩm định hoặc tiến hành soát xét, phê duyệt nội dung đề cương khảo nghiệm*. Không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức.

- Cá nhân.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Cục Chăn nuôi (*đối với thức ăn chăn nuôi*); Tổng cục Thủy sản (*đối với thức ăn thủy sản*).

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: *Quyết định phê duyệt nội dung đề cương khảo nghiệm*.

Thời hạn hiệu lực của Quyết định phê duyệt nội dung khảo nghiệm: Không.

1.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):

Mẫu Đơn đăng ký khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi, thủy sản (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017).

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Điều kiện đối với cơ sở khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi, thủy sản:

- Có hoặc thuê địa điểm, cơ sở vật chất, trang thiết bị chuyên ngành đáp ứng yêu cầu khảo nghiệm từng loại thức ăn trên từng đối tượng vật nuôi; chuồng trại, ao, lồng, bè, bể phù hợp với việc bố trí khảo nghiệm.

Đối với cơ sở khảo nghiệm thức ăn thủy sản phải có đủ nguồn nước đạt yêu cầu về chất lượng; có hệ thống cấp thoát nước riêng biệt, có ao chứa nước thải đảm bảo việc kiểm tra chỉ tiêu môi trường và các chỉ tiêu về bệnh thủy sản.

+ *Người phụ trách kỹ thuật phải có bằng tốt nghiệp từ đại học trở lên về chuyên ngành chăn nuôi, chăn nuôi - thú y, công nghệ sinh học (đối với cơ sở khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi) hoặc chuyên ngành nuôi trồng thủy sản, sinh học (đối với cơ sở khảo nghiệm thức ăn thủy sản).*

(Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản).

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- *Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản.*

- *Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản.*



Mẫu số 01

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ KHẢO NGHIỆM THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN MỚI
(Ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017)

(Tên tổ chức, cá nhân):
Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
.....

....., ngày...tháng...năm....

ĐƠN ĐĂNG KÝ KHẢO NGHIỆM THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN MỚI

Kính gửi: (1)

Tên đơn vị:

Địa chỉ:

Điện thoại: ; Fax: ; Email:

Cơ sở thực hiện khảo nghiệm (tên cơ sở, địa chỉ):

Doanh nghiệp đăng ký khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi, thủy sản sau:

TT	Tên thức ăn chăn nuôi, thủy sản	Khối lượng	Thời gian khảo nghiệm	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Xuất xứ sản phẩm
1						
2						
3						
...						

Doanh nghiệp cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan về thức ăn chăn nuôi.

Giám đốc
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền.

2. Công nhận thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới

2.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Kết thúc khảo nghiệm, tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ về Cục Chăn nuôi (đối với thức ăn chăn nuôi) hoặc Tổng cục Thủy sản (đối với thức ăn thủy sản).

- Bước 2: Thành lập Hội đồng khoa học chuyên ngành để đánh giá kết quả khảo nghiệm và hoàn tất các thủ tục công nhận thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản mới.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo kết quả khảo nghiệm, Cục Chăn nuôi/Tổng cục Thủy sản thành lập Hội đồng khoa học chuyên ngành để đánh giá kết quả khảo nghiệm và ban hành quyết định công nhận thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản mới. Trường hợp không ban hành quyết định công nhận thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản mới, Cục Chăn nuôi/Tổng cục Thủy sản phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2.2. Cách thức thực hiện: Chưa quy định.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Hồ sơ gồm: Báo cáo kết quả khảo nghiệm.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết:

Không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Báo cáo kết quả khảo nghiệm.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức.

- Cá nhân.

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cục Chăn nuôi (đối với thức ăn chăn nuôi); Tổng cục Thủy sản (đối với thức ăn thủy sản).

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công nhận thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản mới.

Thời hạn hiệu lực của Quyết định công nhận thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản mới: Không.

2.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có): Không.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): *Không.*

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- *Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản.*

- *Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản.*

3. Đăng ký thức ăn chăn nuôi, thủy sản sản xuất trong nước được phép lưu hành tại Việt Nam

3.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân (bao gồm cả trường hợp đăng ký thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành trở lại tại Việt Nam đối với trường hợp đã có thông báo ngừng lưu hành sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản thương mại) gửi hồ sơ về Cục Chăn nuôi (đối với thức ăn chăn nuôi) hoặc Tổng cục Thủy sản (đối với thức ăn thủy sản).

- Bước 2: Kiểm tra nội dung hồ sơ:

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký, Cục Chăn nuôi/Tổng cục Thủy sản có trách nhiệm kiểm tra thành phần hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đăng ký những thành phần hồ sơ chưa đạt yêu cầu để bổ sung, hoàn thiện.

Trong thời hạn không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Chăn nuôi/Tổng cục Thủy sản có trách nhiệm thẩm định nội dung hồ sơ và ban hành văn bản xác nhận thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Trường hợp không ban hành văn bản xác nhận, Cục Chăn nuôi/Tổng cục Thủy sản phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3.2. Cách thức thực hiện: *Chưa quy định.*

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Hồ sơ gồm:

- Đơn đăng ký thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam (theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017).

- Bản sao thông báo tiếp nhận công bố hợp quy về điều kiện cơ sở sản xuất, gia công thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

- Bản chính hoặc bản sao chứng thực hợp đồng gia công thức ăn chăn nuôi, thủy sản (đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đăng ký thức ăn chăn nuôi, thủy sản gia công tại cơ sở đã công bố hợp quy về điều kiện sản xuất, gia công thức ăn chăn nuôi, thủy sản).

- Bản chính hoặc bản sao các giấy tờ sau: Tiêu chuẩn công bố áp dụng, thông báo tiếp nhận công bố hợp quy, quyết định công nhận thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới (nếu có).

- Bản chính hoặc bản sao phiếu kết quả thử nghiệm các chỉ tiêu chất lượng và an toàn của sản phẩm trong tiêu chuẩn công bố áp dụng và trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng được cấp bởi các phòng thử nghiệm do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định hoặc thừa nhận. Trong trường hợp chỉ tiêu chất lượng, an toàn của sản phẩm chưa có phòng thử nghiệm được chỉ định, thừa nhận, thì Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định tạm thời đơn vị thực hiện thử nghiệm phù hợp.

- Mẫu nhãn của sản phẩm (có đóng dấu xác nhận của nhà sản xuất).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 25 ngày làm việc.

- Thời hạn kiểm tra thành phần hồ sơ: Không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký.

- Thời hạn thẩm định nội dung hồ sơ, ban hành văn bản xác nhận: Không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức.

- Cá nhân.

3.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Cục Chăn nuôi (đối với thức ăn chăn nuôi); Tổng cục Thủy sản (đối với thức ăn thủy sản).

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận.

Thời hạn hiệu lực của Văn bản chấp thuận: 05 năm.

3.8. Phí, lệ phí:

- Đối với thức ăn chăn nuôi: Không.

- Đối với thức ăn thủy sản:

+ Lệ phí công nhận thức ăn thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam: 50.000 đồng/lần.

+ Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận lưu hành thức ăn thủy sản (đăng ký mới): 1.050.000 đồng/lần/sản phẩm.

(Thông tư số 284/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực quản lý chất lượng vật tư nuôi trồng thủy sản).

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu Đơn đăng ký thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam (theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017).

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

- Phải công bố tiêu chuẩn áp dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn và có chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng. Phải công bố hợp quy theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng (nếu có).

- Mỗi sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản có một tiêu chuẩn chất lượng được công bố chỉ được đặt 01 tên thương mại tương ứng.

- Thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới: Sau khi có quyết định công nhận thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới của Bộ Nông nghiệp và PTNT, nếu tổ chức, cá nhân có thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới có nhu cầu lưu hành tại Việt Nam thì phải tiến hành thực hiện các quy định tại điểm a khoản 2 Điều 12 Nghị định số 39/2017/NĐ-CP và được phép sử dụng các kết quả thử nghiệm trong hồ sơ công nhận thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới cho hoạt động công bố tiêu chuẩn áp dụng hoặc công bố hợp quy.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

- Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

- Thông tư số 284/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực quản lý chất lượng vật tư nuôi trồng thủy sản.

Mẫu số 04

**MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN SẢN XUẤT TRONG NƯỚC
ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM**

(Ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017)

(Tên tổ chức, cá
nhân):.....

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày...tháng...năm...

**ĐƠN ĐĂNG KÝ THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN SẢN XUẤT TRONG NƯỚC
ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM**

Kính gửi: (1)

Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Mã số doanh nghiệp:

Điện thoại: ; Fax: ; Email:

Đề nghị đăng ký thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam như sau:

TT	Tên thức ăn chăn nuôi, thủy sản	Tên thương mại	Số tiêu chuẩn công bố áp dụng	Số tiếp nhận công bố hợp quy	Ngày tiếp nhận công bố hợp quy	Cơ quan tiếp nhận công bố hợp quy
1						
2						
3						
...						

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan về thức ăn
chăn nuôi, thủy sản.

Đại diện tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền.

4. Đăng ký thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu được phép lưu hành tại Việt Nam

4.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân (bao gồm cả trường hợp đăng ký thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành trở lại tại Việt Nam đối với trường hợp đã có thông báo ngừng lưu hành sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản thương mại) gửi hồ sơ về Cục Chăn nuôi (đối với thức ăn chăn nuôi) hoặc Tổng cục Thủy sản (đối với thức ăn thủy sản).

- Bước 2: Kiểm tra nội dung hồ sơ:

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký, Cục Chăn nuôi/Tổng cục Thủy sản có trách nhiệm kiểm tra thành phần hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đăng ký những thành phần hồ sơ chưa đạt yêu cầu để bổ sung, hoàn thiện.

Trong thời hạn không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Chăn nuôi/Tổng cục Thủy sản có trách nhiệm thẩm định nội dung hồ sơ và ban hành văn bản xác nhận thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Trường hợp không ban hành văn bản xác nhận, Cục Chăn nuôi/Tổng cục Thủy sản phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4.2. Cách thức thực hiện: Chưa quy định.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Hồ sơ gồm:

- Đơn đăng ký thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu được phép lưu hành tại Việt Nam (theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017);

- Giấy chứng nhận lưu hành tự do (Certificate of free sale) hoặc văn bản có giá trị tương đương của thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước xuất xứ cấp theo quy định;

- Bản sao một trong các giấy chứng nhận ISO, GMP, HACCP hoặc tương đương của cơ sở sản xuất;

- Bản thông tin sản phẩm do nhà sản xuất cung cấp bao gồm: Tên các loại nguyên liệu, chỉ tiêu chất lượng, chỉ tiêu an toàn, công dụng, hướng dẫn sử dụng;

- Bản tiêu chuẩn công bố áp dụng của tổ chức, cá nhân đăng ký thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu được phép lưu hành tại Việt Nam; nhãn phụ sản phẩm thể hiện bằng tiếng Việt theo quy định;

- Phiếu kết quả thử nghiệm các chỉ tiêu chất lượng và *an toàn sản phẩm* được cấp bởi phòng thử nghiệm do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất xứ chỉ định hoặc được công nhận bởi tổ chức công nhận quốc tế, tổ chức công nhận khu vực hoặc do *Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn* chỉ định, thừa nhận;

- Mẫu nhãn của sản phẩm (*có xác nhận của nhà cung cấp hoặc nhà nhập khẩu*);

Hồ sơ là bản chính hoặc bản sao chứng thực kèm theo bản dịch ra tiếng Việt có xác nhận của tổ chức, cá nhân đăng ký nhập khẩu. Nếu bản chính không phải là tiếng Anh thì bản dịch tiếng Việt phải có dịch thuật và chứng thực.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 25 ngày làm việc.

- Thời hạn kiểm tra thành phần hồ sơ: Không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký.

- Thời hạn thẩm định nội dung hồ sơ, ban hành văn bản xác nhận: Không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức.

- Cá nhân.

4.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Cục Chăn nuôi (*đối với thức ăn chăn nuôi*); Tổng cục Thủy sản (*đối với thức ăn thủy sản*).

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: *Văn bản chấp thuận*.

Thời hạn hiệu lực của *Văn bản chấp thuận*: 05 năm.

4.8. Phí, lệ phí:

- *Đối với thức ăn chăn nuôi*: Không.

- *Đối với thức ăn thủy sản*:

+ *Lệ phí công nhận thức ăn thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam*: 50.000 đồng/lần.

+ *Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận lưu hành thức ăn thủy sản (đăng ký mới)*: 1.050.000 đồng/lần/sản phẩm.

(Thông tư số 284/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực quản lý chất lượng vật tư nuôi trồng thủy sản).

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu Đơn đăng ký thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu được phép lưu hành tại Việt Nam (theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017).

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

- Phải công bố tiêu chuẩn áp dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn và có chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng. Phải công bố hợp quy theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng (nếu có).

- Mỗi sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản có một tiêu chuẩn chất lượng được công bố chỉ được đặt 01 tên thương mại tương ứng.

- Thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới: Sau khi có quyết định công nhận thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới của Bộ Nông nghiệp và PTNT, nếu tổ chức, cá nhân có thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới có nhu cầu lưu hành tại Việt Nam thì phải tiến hành thực hiện các quy định tại điểm a khoản 2 Điều 12 Nghị định số 39/2017/NĐ-CP và được phép sử dụng các kết quả thử nghiệm trong hồ sơ công nhận thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới cho hoạt động công bố tiêu chuẩn áp dụng hoặc công bố hợp quy.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

- Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

- Thông tư số 284/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực quản lý chất lượng vật tư nuôi trồng thủy sản.

Mẫu số 05

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN NHẬP KHẨU ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017)

(Tên đơn vị):.....

Số:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày...tháng...năm...

ĐƠN ĐĂNG KÝ THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN NHẬP KHẨU ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM

Kính gửi: (1)

Tên đơn vị nhập khẩu:

Địa chỉ:.....

Mã số doanh nghiệp:

Điện thoại: ; Fax:..... ; Email:

Đề nghị đăng ký thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu được phép lưu hành tại Việt Nam như sau:

TT	Tên thức ăn chăn nuôi, thủy sản	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất
1				
2				
3				
...				

Doanh nghiệp cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan về thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

Đại diện tổ chức, cá nhân
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền.

5. Đăng ký lại thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam

5.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ về Cục Chăn nuôi (đối với *thức ăn chăn nuôi*) hoặc Tổng cục Thủy sản (đối với thức ăn thủy sản).

- Bước 2: Kiểm tra nội dung hồ sơ:

Trong thời hạn không quá *05 ngày* làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký, Cục Chăn nuôi/Tổng cục Thủy sản có trách nhiệm kiểm tra thành phần hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đăng ký những thành phần hồ sơ chưa đạt yêu cầu để bổ sung, hoàn thiện.

Trong thời hạn không quá *10 ngày* làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Chăn nuôi/Tổng cục Thủy sản có trách nhiệm thẩm định nội dung hồ sơ và ban hành *văn bản xác nhận thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*. Trường hợp không ban hành *văn bản xác nhận*, Cục Chăn nuôi/Tổng cục Thủy sản phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5.2. Cách thức thực hiện: Chưa quy định.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Hồ sơ gồm:

- Đơn đăng ký lại thức ăn chăn nuôi, *thủy sản* được phép lưu hành tại Việt Nam (*theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017*);

- Bản tiêu chuẩn công bố áp dụng và bản thông báo tiếp nhận công bố hợp quy (nếu có) là bản chính hoặc bản sao chụp có xác nhận của nhà sản xuất;

- Mẫu nhãn của sản phẩm (có đóng dấu xác nhận của nhà sản xuất, nhà cung cấp hoặc nhà nhập khẩu).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 15 ngày làm việc.

- *Thời hạn kiểm tra thành phần hồ sơ: Không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký.*

- *Thời hạn thẩm định nội dung hồ sơ, ban hành văn bản xác nhận: Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.*

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức.
- Cá nhân.

5.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Cục Chăn nuôi (đối với thức ăn chăn nuôi); Tổng cục Thủy sản (đối với thức ăn thủy sản).

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: *Văn bản chấp thuận.*

Thời hạn hiệu lực của *Văn bản chấp thuận*: Không.

5.8. Phí, lệ phí (nếu có):

- Đối với thức ăn chăn nuôi: Không.
- Đối với thức ăn thủy sản:
 - + Lệ phí công nhận thức ăn thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam: 50.000 đồng/lần.
 - + Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận lưu hành thức ăn thủy sản (đăng ký lại): 500.000 đồng/lần/sản phẩm.

(Thông tư số 284/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực quản lý chất lượng vật tư nuôi trồng thủy sản; Thông tư số 09/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 284/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực quản lý chất lượng vật tư nuôi trồng thủy sản).

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):

Mẫu Đơn đăng ký lại thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam (theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017).

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

- Phải công bố tiêu chuẩn áp dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn và có chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng. Phải công bố hợp quy theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng (nếu có).

- Mỗi sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản có một tiêu chuẩn chất lượng được công bố chỉ được đặt 01 tên thương mại tương ứng.

- Thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới: Sau khi có quyết định công nhận thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới của Bộ Nông nghiệp và PTNT, nếu tổ chức, cá nhân có thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới có nhu cầu lưu hành tại Việt Nam thì phải tiến hành thực hiện các quy định tại điểm a khoản 2 Điều 12 Nghị định số 39/2017/NĐ-CP và được phép sử dụng các kết quả thử nghiệm trong hồ sơ công nhận thức ăn chăn nuôi mới cho hoạt động công bố tiêu chuẩn áp dụng hoặc công bố hợp quy.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

- Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

- Thông tư số 284/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực quản lý chất lượng vật tư nuôi trồng thủy sản.

- Thông tư số 09/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 284/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực quản lý chất lượng vật tư nuôi trồng thủy sản.

Mẫu số 06

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ LẠI THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017)

(Tên tổ chức, cá nhân):

.....

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày...tháng...năm...

ĐƠN ĐĂNG KÝ LẠI THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM

Kính gửi: (1)

Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Mã số doanh nghiệp:

Điện thoại: ; Fax: ; Email:

Đề nghị đăng ký lại thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam như sau:

1. Đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản sản xuất trong nước:

TT	Tên thức ăn chăn nuôi, thủy sản	Tên thương mại	Số tiêu chuẩn công bố áp dụng	Số tiếp nhận công bố hợp quy	Ngày tiếp nhận công bố hợp quy	Cơ quan tiếp nhận công bố hợp quy	Mã số sản phẩm
1							
2							
3							

2. Đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu:

TT	Tên thức ăn chăn nuôi, thủy sản	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	Mã số sản phẩm
1					

2					
3					

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan về thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

Đại diện tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền.

6. Thay đổi thông tin của thức ăn chăn nuôi, thủy sản đã được phép lưu hành tại Việt Nam

6.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: *Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ về Cục Chăn nuôi (đối với thức ăn chăn nuôi) hoặc Tổng cục Thủy sản (đối với thức ăn thủy sản).*

- Bước 2: *Kiểm tra nội dung hồ sơ:*

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị xác nhận thay đổi thông tin của thức ăn chăn nuôi, thủy sản, Cục Chăn nuôi/Tổng cục Thủy sản có trách nhiệm kiểm tra thành phần hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đăng ký những thành phần hồ sơ chưa đạt yêu cầu để bổ sung, hoàn thiện.

Trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cục Chăn nuôi/Tổng cục Thủy sản ban hành văn bản xác nhận thay đổi thông tin của thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Trường hợp không ban hành văn bản xác nhận thay đổi thông tin của thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam, Cục Chăn nuôi/Tổng cục Thủy sản phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

6.2. Cách thức thực hiện: Chưa quy định.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Hồ sơ gồm:

Đơn đề nghị xác nhận thay đổi thông tin của thức ăn chăn nuôi, thủy sản (theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017);

- Bản sao chụp tiêu chuẩn công bố áp dụng và bản tiếp nhận công bố hợp quy (nếu có); mẫu nhãn sản phẩm có xác nhận của nhà sản xuất, nhà nhập khẩu;

- Bản chính hoặc bản sao chứng thực giấy xác nhận nội dung thay đổi của nhà sản xuất (đối với thức ăn chăn nuôi nhập khẩu);

Bản sao chứng thực giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (trong trường hợp đổi tên cơ sở sản xuất, tên thương mại thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

6.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 20 ngày làm việc.

- Thời hạn kiểm tra thành phần hồ sơ: Không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký.

- Thời hạn thẩm định nội dung hồ sơ, ban hành văn bản xác nhận: Không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức.

- Cá nhân.

6.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Cục Chăn nuôi (đối với thức ăn chăn nuôi); Tổng cục Thủy sản (đối với thức ăn thủy sản).

6.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận.

Thời hạn hiệu lực của Văn bản chấp thuận: Không.

6.8. Phí, lệ phí (nếu có):

- Đối với thức ăn chăn nuôi: Không.

- Đối với thức ăn thủy sản:

+ Lệ phí công nhận thức ăn thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam: 50.000 đồng/lần.

+ Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận lưu hành thức ăn thủy sản (thay đổi thông tin doanh nghiệp/sản phẩm): 350.000 đồng/lần/cơ sở/sản phẩm.

(Thông tư số 284/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực quản lý chất lượng vật tư nuôi trồng thủy sản).

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):

Mẫu Đơn đề nghị *xác nhận* thay đổi thông tin của thức ăn chăn nuôi, thủy sản (theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017).

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Chỉ được thay đổi các thông tin của thức ăn chăn nuôi, thủy sản đã được phép lưu hành tại Việt Nam nếu không làm thay đổi chất lượng sản phẩm.

(Khoản 7 Điều 12 Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản).

6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

- Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

- Thông tư số 284/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực quản lý chất lượng vật tư nuôi trồng thủy sản.

Mẫu số 08

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN THAY ĐỔI THÔNG TIN CỦA THỨC ĂN CHĂN
NUÔI, THỦY SẢN**

(Ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017)

(Tên tổ chức, cá nhân):

.....

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN THAY ĐỔI THÔNG TIN CỦA THỨC ĂN CHĂN NUÔI,
THỦY SẢN**

Kính gửi: (1)

Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại: ; Fax: ; Email:

Đề nghị được *xác nhận* thay đổi thông tin đối với sản phẩm thức ăn chăn nuôi, *thủy sản* được
phép lưu hành tại Việt Nam sau đây:

1. Đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản sản xuất trong nước

TT	Tên thương mại	Số tiêu chuẩn công bố áp dụng	Mã số sản phẩm	Thông tin đã được xác nhận	Thông tin xin được thay đổi
1					
2					

2. Đối với thức ăn chăn nuôi nhập khẩu

TT	Tên thức ăn chăn nuôi, thủy sản	Hãng, nước sản xuất	Mã số sản phẩm	Thông tin đã được xác nhận	Thông tin xin được thay đổi
1					
2					

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan về thức ăn
chăn nuôi, *thủy sản*.

Đại diện tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền.

7. Chấp thuận cho nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản chưa được phép lưu hành tại Việt Nam để giới thiệu tại các hội chợ, triển lãm hoặc nghiên cứu, làm mẫu phân tích tại các phòng thử nghiệm

7.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ về Cục Chăn nuôi (đối với *thức ăn chăn nuôi*) hoặc Tổng cục Thủy sản (đối với *thức ăn thủy sản*).

- Bước 2: Kiểm tra nội dung hồ sơ:

Trong thời gian không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cục Chăn nuôi/Tổng cục Thủy sản có văn bản trả lời về việc chấp thuận cho nhập khẩu. Trường hợp không chấp thuận cho nhập khẩu, Cục Chăn nuôi/Tổng cục Thủy sản phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

7.2. Cách thức thực hiện: Chưa quy định.

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Hồ sơ gồm:

* Đối với trường hợp nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản chưa được phép lưu hành tại Việt Nam để giới thiệu tại các hội chợ, triển lãm:

- Đơn đề nghị nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản để giới thiệu tại hội chợ, triển lãm (theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017);

- Giấy xác nhận về việc tổ chức hoặc tham gia hội chợ, triển lãm tại Việt Nam.

* Đối với trường hợp nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản chưa được phép lưu hành tại Việt Nam để làm mẫu phân tích tại các phòng thử nghiệm:

- Đơn đề nghị nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản để làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm (theo Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017);

- Văn bản thỏa thuận sử dụng dịch vụ phân tích giữa một bên là phòng thử nghiệm hoặc doanh nghiệp trong nước với một bên là phòng thử nghiệm, doanh nghiệp hoặc cơ quan quản lý

về thức ăn chăn nuôi, thủy sản của nước xuất xứ, trong đó có cam kết sản phẩm nhập khẩu là phi thương mại.

** Đối với trường hợp nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản để nghiên cứu:*

- Đơn đề nghị nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản để nghiên cứu (theo Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017);

- Đề cương nghiên cứu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

7.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

7.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức.

- Cá nhân.

7.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Cục Chăn nuôi (đối với thức ăn chăn nuôi); Tổng cục Thủy sản (đối với thức ăn thủy sản).

7.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận.

Thời hạn hiệu lực của Văn bản chấp thuận: Không.

7.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):

- Mẫu Đơn đề nghị nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản để giới thiệu tại hội chợ, triển lãm (theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017).

- Mẫu Đơn đề nghị nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản để làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm (theo Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017).

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

7.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

- Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản.



Mẫu số 10

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ NHẬP KHẨU THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN ĐỂ GIỚI THIỆU TẠI HỘI CHỢ, TRIỂN LÃM

(Ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017)

(Tên tổ chức, cá nhân):

.....

Số:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...., ngày...tháng...năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ NHẬP KHẨU THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN ĐỂ GIỚI THIỆU TẠI HỘI CHỢ, TRIỂN LÃM

Kính gửi: (1)

Tên đơn vị:

Địa chỉ:

Điện thoại: ; Fax: ; Email:.....

1. Đề nghị nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản sau đây để giới thiệu tại các hội chợ triển lãm:

TT	Tên thức ăn chăn nuôi, thủy sản	Khối lượng	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Quy cách bao gói	Hãng, nước sản xuất
1						
2						
3						
...						

2. Thời gian nhập:

3. Cửa khẩu nhập:

4. Thời gian, địa điểm tổ chức hội chợ triển lãm:

5. Phương án xử lý mẫu sau hội chợ triển lãm:

Doanh nghiệp cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan về thức ăn chăn nuôi, *thủy sản*.

Đại diện tổ chức, cá nhân
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền.



Mẫu số 11

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ NHẬP KHẨU THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN ĐỂ NGHIÊN CỨU/LÀM MẪU PHÂN TÍCH TẠI PHÒNG THỬ NGHIỆM
(Ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017)

(Tên tổ chức, cá nhân)

:.....

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày...tháng...năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ NHẬP KHẨU THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN ĐỂ NGHIÊN CỨU/LÀM MẪU PHÂN TÍCH TẠI PHÒNG THỬ NGHIỆM

Kính gửi:..... (1)

Tên đơn vị:

Địa chỉ:

Điện thoại: ; Fax: ; Email:

1. Đề nghị nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản sau đây để làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm:

TT	Tên mẫu thức ăn chăn nuôi, thủy sản	Khối lượng*	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Quy cách bao gói	Hãng, nước sản xuất
1						
2						
3						
...						

(*) Không quá 2,0 kg đối với mỗi sản phẩm để làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm. Riêng nhập khẩu về với mục đích nghiên cứu thì khối lượng phải phù hợp với nội dung nghiên cứu.

2. Thời gian nhập:

3. Cửa khẩu nhập:

4. Ghi rõ mục đích nghiên cứu/phân tích:

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan về thức ăn chăn nuôi, *thủy sản*.

Đại diện tổ chức, cá nhân
(ký tên, đóng dấu)

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền.

8. Chấp thuận cho nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, *thủy sản* chưa được phép lưu hành tại Việt Nam để sản xuất, gia công nhằm mục đích xuất khẩu

8.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ về Cục Chăn nuôi (đối với *thức ăn chăn nuôi*) hoặc Tổng cục Thủy sản (đối với *thức ăn thủy sản*).

- Bước 2: Kiểm tra nội dung hồ sơ:

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản để sản xuất, gia công nhằm mục đích xuất khẩu theo hợp đồng đã ký với nước ngoài, Cục Chăn nuôi/Tổng cục Thủy sản có văn bản trả lời về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận cho phép nhập khẩu. Trong trường hợp không chấp thuận cần nêu rõ lý do.

8.2. Cách thức thực hiện: Chưa quy định.

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị nhập khẩu *thức ăn chăn nuôi, thủy sản để sản xuất, gia công nhằm mục đích xuất khẩu (theo Mẫu số 13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017);*

- Hợp đồng *sản xuất, gia công thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhằm mục đích xuất khẩu* phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam về việc nhập hàng hóa để sản xuất, gia công nhằm mục đích xuất khẩu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

8.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

8.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức.

- Cá nhân.

8.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Cục Chăn nuôi (đối với thức ăn chăn nuôi); Tổng cục Thủy sản (đối với thức ăn thủy sản).

8.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận.

Thời hạn hiệu lực của Văn bản chấp thuận: Không.

8.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

8.9 Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):

Mẫu Đơn đề nghị nhập khẩu thức ăn chăn nuôi để sản xuất, gia công nhằm mục đích xuất khẩu (theo Mẫu số 13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017).

8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Tổ chức, cá nhân sản xuất, gia công thức ăn chăn nuôi, thủy sản phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Địa điểm sản xuất, gia công phải nằm trong khu vực không bị ô nhiễm bởi những yếu tố như chất thải, hóa chất độc hại, chuồng trại chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

- Khu sản xuất có tường, rào ngăn cách với bên ngoài.

- Có báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về môi trường.

- Yêu cầu về nhà xưởng, trang thiết bị:

+ Khu vực sản xuất được thiết kế và bố trí thiết bị theo quy tắc một chiều, có sự cách biệt giữa nguyên liệu đầu vào và sản phẩm đầu ra để tránh lây nhiễm chéo.

+ Có dây chuyền sản xuất phù hợp với từng loại thức ăn chăn nuôi, thủy sản; có kệ (pallet) để nguyên liệu và sản phẩm thành phẩm (trừ trường hợp nền kho, xưởng đã có giải pháp kỹ thuật đảm bảo thông thoáng, chống ẩm).

+ Có kho bảo quản các loại nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, thủy sản cần chế độ bảo quản riêng theo khuyến cáo của nhà sản xuất.

+ Đối với cơ sở sản xuất, gia công thức ăn chăn nuôi chứa kháng sinh phải có nơi pha trộn riêng, đảm bảo không phát tán nhiễm chéo ra bên ngoài.

+ Có thiết bị, dụng cụ đo lường để giám sát chất lượng, đảm bảo độ chính xác theo quy định của pháp luật về đo lường.

+ Có giải pháp về thiết bị, dụng cụ (quạt, sàng, nam châm...) để kiểm soát các tạp chất (cát sạn, kim loại) ảnh hưởng đến chất lượng nguyên liệu đầu vào.

+ Có giải pháp phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật và phòng, chống chuột, chim, động vật gây hại khác.

+ Có thiết bị hút bụi, xử lý chất thải phù hợp để tránh nhiễm bẩn cho sản phẩm và đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định.

- Người phụ trách kỹ thuật có trình độ từ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành chăn nuôi, chăn nuôi - thú y, thú y, công nghệ thực phẩm, công nghệ sinh học (đối với thức ăn chăn nuôi) hoặc chuyên ngành nuôi trồng thủy sản, sinh học, công nghệ thực phẩm (đối với thức ăn thủy sản).

- Có hoặc thuê phòng thử nghiệm để phân tích chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản trong quá trình sản xuất, gia công.

(Điều 7 Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản).

8.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

- Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

Mẫu số 13

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ NHẬP KHẨU THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN ĐỂ SẢN XUẤT, GIA CÔNG NHẪM MỤC ĐÍCH XUẤT KHẨU

(Ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017)

(Tên tổ chức, cá nhân):

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

.....

....., ngày...tháng...năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ NHẬP KHẨU THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN ĐỂ SẢN XUẤT, GIA CÔNG NHẪM MỤC ĐÍCH XUẤT KHẨU

Kính gửi: (1)

Tên đơn vị:

Địa chỉ:

Điện thoại: ; Fax: ; Email:

1. Đề nghị nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản sau đây để sản xuất, gia công nhằm mục đích xuất khẩu:

TT	Tên thức ăn chăn nuôi, thủy sản	Khối lượng	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất
1					
2					
3					
...					

2. Thời gian nhập:

3. Cửa khẩu nhập:

4. Thời gian xuất:

5. Cửa khẩu xuất:

6. Nước nhập khẩu:

Doanh nghiệp cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan về thức ăn chăn nuôi, thủy sản./.

Đại diện tổ chức, cá nhân
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền.

9. Chỉ định Tổ chức chứng nhận sự phù hợp chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu

9.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức gửi hồ sơ về Cục Chăn nuôi (đối với thức ăn chăn nuôi) hoặc Tổng cục Thủy sản (đối với thức ăn thủy sản).

- Bước 2: Kiểm tra nội dung hồ sơ:

Trong thời gian không quá 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Cục Chăn nuôi/Tổng cục Thủy sản tiến hành thành lập đoàn đánh giá năng lực của tổ chức đăng ký thông qua việc thẩm định hồ sơ, đánh giá năng lực thực tế tại cơ sở (nếu cần), đánh giá quy trình kiểm tra, xác nhận sự phù hợp chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu do tổ chức đăng ký xây dựng và ban hành quyết định chỉ định. Trong trường hợp từ chối việc chỉ định, Cục Chăn nuôi/Tổng cục Thủy sản phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

9.2. Cách thức thực hiện: Chưa quy định.

9.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị tham gia hoạt động kiểm tra, xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu (theo Mẫu số 14 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017);

- Bản sao chứng thực quyết định chỉ định là tổ chức chứng nhận hợp quy lĩnh vực thức ăn chăn nuôi, thủy sản;

- Quy trình kiểm tra, xác nhận sự phù hợp chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu phù hợp với từng loại thức ăn chăn nuôi tương ứng do tổ chức đăng ký tham gia hoạt động kiểm tra, xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu ban hành.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

9.4. Thời hạn giải quyết: *Không quá 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.*

9.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

9.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cục Chăn nuôi (*đối với thức ăn chăn nuôi*); Tổng cục Thủy sản (*đối với thức ăn thủy sản*).

9.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hành chính.

Thời hạn hiệu lực của Quyết định hành chính: 03 năm.

9.8. Lệ phí (nếu có):

- *Đối với thức ăn chăn nuôi: Không.*

- *Đối với thức ăn thủy sản: Phí thẩm định công nhận hoặc chỉ định, giám sát phòng kiểm nghiệm, phòng thử nghiệm trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản: 5.700.000 đồng/lần.*

(Thông tư số 284/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực quản lý chất lượng vật tư nuôi trồng thủy sản).

9.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):

Mẫu Đơn *đề nghị tham gia* hoạt động kiểm tra, xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu (*theo Mẫu số 14 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017*).

9.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Tổ chức chứng nhận sự phù hợp chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định là tổ chức chứng nhận hợp quy lĩnh vực thức ăn chăn nuôi, *thủy sản*.

- Có quy trình kiểm tra, chứng nhận sự phù hợp chất lượng thức ăn chăn nuôi, *thủy sản* xuất khẩu, nhập khẩu phù hợp với từng loại thức ăn chăn nuôi, *thủy sản* tương ứng được Cục Chăn nuôi/Tổng cục Thủy sản thẩm định.

(Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản).

9.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

- Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

- Thông tư số 284/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực quản lý chất lượng vật tư nuôi trồng thủy sản.



Mẫu số 14

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA, XÁC NHẬN CHẤT LƯỢNG THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU
(Ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP)

(Tên tổ chức):.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày...tháng...năm 20....

ĐƠN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA, XÁC NHẬN CHẤT LƯỢNG THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

Kính gửi: (1)

1. Tên tổ chức:

2. Địa chỉ liên lạc:

Điện thoại:..... ; Fax:..... ; E-mail:.....

3. Quyết định chỉ định là tổ chức chứng nhận hợp quy lĩnh vực thức ăn chăn nuôi, thủy sản số...ngày...tháng...năm...do.... (tên cơ quan có thẩm quyền) cấp.

4. Hình thức đề nghị chỉ định:

Chỉ định lần đầu *

Chỉ định lại *

5. Hồ sơ kèm theo gồm:

6. Sau khi nghiên cứu các quy định tại *Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản.*

Đề nghị Cục Chăn nuôi/Tổng cục Thủy sản xem xét để chỉ định (tên tổ chức) được tham gia hoạt động kiểm tra, xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi xuất khẩu, nhập khẩu.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định của pháp luật./.

Đại diện tổ chức
(Ký tên, đóng dấu)

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền.

10. Chỉ định lại Tổ chức chứng nhận sự phù hợp chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu

10.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trong vòng 03 tháng trước khi quyết định chỉ định hết hiệu lực, nếu có nhu cầu, tổ chức được chỉ định gửi hồ sơ đăng ký về Cục Chăn nuôi (đối với thức ăn chăn nuôi) hoặc Tổng cục Thủy sản (đối với thức ăn thủy sản).

- Bước 2: Kiểm tra nội dung hồ sơ:

Trong thời gian không quá 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Cục Chăn nuôi/Tổng cục Thủy sản thẩm định hồ sơ, thực hiện đánh giá lại năng lực thực tế tại cơ sở (nếu cần) và ban hành quyết định chỉ định lại. Trong trường hợp từ chối chỉ định lại, Cục Chăn nuôi/Tổng cục Thủy sản phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

10.2. Cách thức thực hiện: Chưa quy định.

10.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị tham gia hoạt động kiểm tra, xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu (theo Mẫu số 14 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017);

- Báo cáo kết quả thực hiện kiểm tra, xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu của Tổ chức được chỉ định trong thời gian trước đó (theo Mẫu số 16 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

10.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.

10.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

10.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Cục Chăn nuôi (đối với thức ăn chăn nuôi); Tổng cục Thủy sản (đối với thức ăn thủy sản).

10.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hành chính.

Thời hạn hiệu lực của Quyết định hành chính: 03 năm.

10.8. Phí, lệ phí (nếu có):

- Đối với thức ăn chăn nuôi: Không.

- Đối với thức ăn thủy sản: Phí thẩm định công nhận hoặc chỉ định, giám sát phòng kiểm nghiệm, phòng thử nghiệm trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản: 5.700.000 đồng/lần.

(Thông tư số 284/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực quản lý chất lượng vật tư nuôi trồng thủy sản).

10.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):

- Mẫu Đơn đề nghị tham gia hoạt động kiểm tra, xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu (theo Mẫu số 14 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017).

- Mẫu Báo cáo kết quả thực hiện kiểm tra, xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu của Tổ chức được chỉ định trong thời gian trước đó (theo Mẫu số 16 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017).

10.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Tổ chức chứng nhận sự phù hợp chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định là tổ chức chứng nhận hợp quy lĩnh vực thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

- Có quy trình kiểm tra, chứng nhận sự phù hợp chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu phù hợp với từng loại thức ăn chăn nuôi, thủy sản tương ứng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định.

(Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản).

10.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

- Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

- Thông tư số 284/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực quản lý chất lượng vật tư nuôi trồng thủy sản.



Mẫu số 14

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA, XÁC NHẬN CHẤT LƯỢNG THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU
(Ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017)

(Tên tổ chức):.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày... tháng... năm 20...

ĐƠN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA, XÁC NHẬN CHẤT LƯỢNG THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

Kính gửi: (1)

1. Tên tổ chức:

2. Địa chỉ liên lạc:

Điện thoại:..... ; Fax: ; E-mail:

3. Quyết định chỉ định là tổ chức chứng nhận hợp quy lĩnh vực thức ăn chăn nuôi, thủy sản số...ngày...tháng...năm....do... (tên cơ quan có thẩm quyền) cấp.

4. Hình thức đề nghị chỉ định:

Chỉ định lần đầu *

Chỉ định lại *

5. Hồ sơ kèm theo gồm:

-.....

-.....

6. Sau khi nghiên cứu các quy định tại *Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản.*

Đề nghị Cục Chăn nuôi/Tổng cục Thủy sản xem xét đề chỉ định (*tên tổ chức*) được tham gia hoạt động kiểm tra, xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi xuất khẩu, nhập khẩu.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định của pháp luật./.

Đại diện tổ chức
(Ký tên, đóng dấu)

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền.

Mẫu số 16

**MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA, XÁC NHẬN CHẤT LƯỢNG
THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU**
(Ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017)

(Tên tổ chức):

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày...tháng...năm...

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA, XÁC NHẬN CHẤT LƯỢNG THỨC
ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU**

Kính gửi: (1)

1. Tên tổ chức:

2. Địa chỉ liên lạc:

Điện thoại: Fax: E-mail:

Báo cáo kết quả thực hiện kiểm tra, xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản trong giai đoạn từ....đếnnhư sau:

- Số lượng đơn vị đã kiểm tra:

- Số lô hàng, khối lượng hàng hóa đã kiểm tra:

- Danh sách các lô hàng vi phạm nếu có (Tên, khối lượng, giá trị, nguồn gốc xuất xứ, đơn vị nhập khẩu, lỗi vi phạm).

- Các lỗi vi phạm trong hoạt động kiểm tra, xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu của Tổ chức được chỉ định do các đoàn kiểm tra phát hiện.

- Những kiến nghị của Tổ chức về hoạt động kiểm tra, xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu.

Đại diện tổ chức
(Ký tên, đóng dấu)

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền.

11. Đăng ký kiểm tra, xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu

11.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ về cơ quan kiểm tra (Cục Chăn nuôi/Tổng cục Thủy sản/ Tổ chức chứng nhận sự phù hợp chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu).

- Bước 2: Cơ quan kiểm tra:

Khi nhận được hồ sơ đăng ký kiểm tra, trong thời hạn 03 ngày làm việc, cơ quan kiểm tra xem xét và hướng dẫn doanh nghiệp bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định.

Trường hợp đầy đủ hồ sơ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, cơ quan kiểm tra xác nhận vào giấy đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng, trong đó có thông báo cho doanh nghiệp về nội dung kiểm tra, thống nhất thời gian và địa điểm sẽ thực hiện kiểm tra.

11.2. Cách thức thực hiện: Chưa quy định.

11.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Hồ sơ gồm:

- Giấy đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017;

- Bản sao chụp có xác nhận của tổ chức, cá nhân nhập khẩu các giấy tờ: Hợp đồng mua bán, phiếu đóng gói (Packing list), hóa đơn mua bán (Invoice), phiếu kết quả phân tích chất lượng của nước xuất xứ cấp cho lô hàng (Certificate of Analysis), nhãn sản phẩm của nhà sản xuất; bản tiêu chuẩn công bố áp dụng của đơn vị nhập khẩu;

- Báo cáo tình hình nhập khẩu và tiêu thụ lô hàng thức ăn chăn nuôi chứa kháng sinh nhập khẩu trước đó và kế hoạch tiêu thụ số lượng thức ăn chăn nuôi chứa kháng sinh đăng ký nhập khẩu theo Mẫu số 18 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

11.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 06 ngày làm việc.

- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Không quá 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ.

- Xác nhận vào Giấy đăng ký kiểm tra: Không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

11.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức.

- Cá nhân.

11.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Cơ quan kiểm tra: Cục Chăn nuôi (đối với thức ăn chăn nuôi); Tổng cục Thủy sản (đối với thức ăn thủy sản); Tổ chức chứng nhận sự phù hợp chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu.

11.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: *Xác nhận vào Giấy đăng ký kiểm tra.*

Thời hạn hiệu lực của *Xác nhận vào Giấy đăng ký kiểm tra*: Không.

11.8. Phí, lệ phí (nếu có):

- *Đối với thức ăn chăn nuôi: Không.*

- *Đối với thức ăn thủy sản: Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận vật tư nuôi trồng thủy sản nhập khẩu: 470.000 đồng + Số lượng mẫu x 80.000 đồng/mẫu.*

(Thông tư số 284/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực quản lý chất lượng vật tư nuôi trồng thủy sản; Thông tư số 09/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 284/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực quản lý chất lượng vật tư nuôi trồng thủy sản).

11.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):

Mẫu Giấy đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng *(theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017).*

11.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

11.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- *Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản.*

- Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

- Thông tư số 284/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực quản lý chất lượng vật tư nuôi trồng thủy sản.

- Thông tư số 09/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 284/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực quản lý chất lượng vật tư nuôi trồng thủy sản.



Mẫu số 17

MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM TRA, XÁC NHẬN CHẤT LƯỢNG
(Ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc
The Socialist Republic of Vietnam
Independent - Freedom - Happiness

GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM TRA XÁC NHẬN CHẤT LƯỢNG
Registration for Quality Inspection of Feeds

Số/No:..... (Dành cho tổ chức, cá nhân đăng ký kiểm tra ghi)	Số/No:..... (Dành cho cơ quan kiểm tra ghi)
---	--

Kính gửi/To:.....

1. Bên bán hàng / <i>Seller: (hãng, nước)</i>
2. Địa chỉ, Điện thoại, Fax. / <i>Address, Phone, Fax:</i>
3. Nơi xuất hàng/ <i>Port of departure:</i>
4. Bên mua hàng / <i>Buyer:</i>
5. Địa chỉ, Điện thoại, Fax. / <i>Address, Phone, Fax:</i>
6. Nơi nhận hàng/ <i>Port of Destination:</i>
7. Thời gian nhập khẩu dự kiến / <i>importing date:</i>
MÔ TẢ HÀNG HÓA/ DESCRIPTION OF GOODS
8. Tên hàng hóa / <i>Name of goods:</i>
9. Số lượng, khối lượng <i>Quantity, Volume</i>
10. Mã số công nhận thức ăn chăn nuôi được phép lưu hành tại Việt Nam/ <i>Registration number:</i>

11. Cơ sở sản xuất/ <i>Manufacturer (hãng, nước sản xuất)</i>
12. Địa điểm tập kết hàng/ <i>Location of storage:</i>
13. Ngày đăng ký lấy mẫu kiểm tra/ <i>Date for sampling.</i>
14. Địa điểm đăng ký lấy mẫu kiểm tra/ <i>Location for sampling:</i>
15. Thông tin người liên hệ/ <i>Contact person</i>
16. Hợp đồng mua bán/ <i>Contract: Số...Ngày...</i>
17. Hóa đơn mua bán/ <i>Invoice: Số...Ngày...</i>
18. Phiếu đóng gói/ <i>Packinglist; Số...Ngày...</i>
DÀNH CHO CƠ QUAN KIỂM TRA
19. Yêu cầu kiểm tra chi tiêu / <i>Analytical parameters required:</i>
20. Thời gian kiểm tra/ <i>Date of testing:</i>
21. Đơn vị thực hiện kiểm tra:
Đối với hàng nhập khẩu, Giấy này có giá trị để làm thủ tục hải quan. Sau đó doanh nghiệp phải xuất trình toàn bộ hồ sơ và hàng hóa đã hoàn thành thủ tục hải quan cho cơ quan kiểm tra để được kiểm tra chất lượng theo quy định/ <i>This registration is used for customs clearance in term of imported goods. Consigner is required to submit to the inpection body, afterward, all related document of the imported goods</i>

.....ngày/date:

Đại diện tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày /date:

Đại diện cơ quan kiểm tra
(Ký tên, đóng dấu)

12. Đăng ký kiểm tra, xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu

12.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: *Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ về cơ quan kiểm tra (Cục Chăn nuôi/Tổng cục Thủy sản/ Tổ chức chứng nhận sự phù hợp chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu).*

- Bước 2: Cơ quan kiểm tra:

Khi nhận được hồ sơ đăng ký kiểm tra, trong thời hạn 03 ngày làm việc, cơ quan kiểm tra xem xét và hướng dẫn doanh nghiệp bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định.

Trường hợp đầy đủ hồ sơ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, cơ quan kiểm tra xác nhận vào giấy đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng, trong đó có thông báo cho doanh nghiệp về nội dung kiểm tra, thống nhất thời gian và địa điểm sẽ thực hiện kiểm tra.

12.2. Cách thức thực hiện: *Chưa quy định.*

12.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Hồ sơ gồm:

- Giấy đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng (03 bản) *theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017*; bản yêu cầu các chỉ tiêu cần kiểm tra, xác nhận chất lượng;

- Bản sao chứng thực các giấy tờ: Hợp đồng mua bán, hồ sơ công bố chất lượng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

12.4. Thời hạn giải quyết: *Không quá 06 ngày làm việc.*

- *Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Không quá 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ.*

- *Xác nhận vào Giấy đăng ký kiểm tra: Không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.*

12.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức.

- Cá nhân.

12.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Cơ quan kiểm tra: Cục Chăn nuôi (đối với thức ăn chăn nuôi); Tổng cục Thủy sản (đối với thức ăn thủy sản); Tổ chức chứng nhận sự phù hợp chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu.

12.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: *Xác nhận vào Giấy đăng ký kiểm tra.*

Thời hạn hiệu lực của *Xác nhận vào Giấy đăng ký kiểm tra*: Không.

12.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

12.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):

Mẫu Giấy đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng (theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017).

12.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

12.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

- Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

Mẫu số 17

MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM TRA, XÁC NHẬN CHẤT LƯỢNG

(Ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

The Socialist Republic of Vietnam

Independent - Freedom - Happiness

GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM TRA XÁC NHẬN CHẤT LƯỢNG

Registration for Quality Inspection of Feeds

Số/No:.....

(Dành cho tổ chức, cá nhân đăng ký kiểm tra ghi)

Số/No:

(Dành cho cơ quan kiểm tra ghi)

Kính gửi/To:.....

1. Bên bán hàng / <i>Seller: (hãng, nước)</i>
2. Địa chỉ, Điện thoại, Fax. / <i>Address, Phone, Fax:</i>
3. Nơi xuất hàng/ <i>Port of departure:</i>
4. Bên mua hàng / <i>Buyer:</i>
5. Địa chỉ, Điện thoại, Fax. / <i>Address, Phone, Fax:</i>
6. Nơi nhận hàng/ <i>Port of Destination:</i>
7. Thời gian nhập khẩu dự kiến / <i>importing date:</i>
MÔ TẢ HÀNG HÓA/ DESCRIPTION OF GOODS
8. Tên hàng hóa / <i>Name of goods:</i>
9. Số lượng, khối lượng <i>Quantity, Volume</i>
10. Mã số công nhận thức ăn chăn nuôi được phép lưu hành tại Việt Nam/ <i>Registration number:</i>
11. Cơ sở sản xuất/ <i>Manufacturer (hãng, nước sản xuất)</i>
12. Địa điểm tập kết hàng/ <i>Location of storage:</i>
13. Ngày đăng ký lấy mẫu kiểm tra/ <i>Date for sampling:</i>
14. Địa điểm đăng ký lấy mẫu kiểm tra/ <i>Location for sampling:</i>
15. Thông tin người liên hệ/ <i>Contact person</i>
16. Hợp đồng mua bán/ <i>Contract: Số...Ngày...</i>

17. Hóa đơn mua bán/ <i>Invoice</i> : Số...Ngày...
18. Phiếu đóng gói/ <i>Packinglist</i> : Số...Ngày...
DÀNH CHO CƠ QUAN KIỂM TRA
19. Yêu cầu kiểm tra chỉ tiêu / <i>Analytical parameters required</i> :
20. Thời gian kiểm tra/ <i>Date of testing</i> :
21. Đơn vị thực hiện kiểm tra:
Đối với hàng nhập khẩu, Giấy này có giá trị để làm thủ tục hải quan. Sau đó doanh nghiệp phải xuất trình toàn bộ hồ sơ và hàng hóa đã hoàn thành thủ tục hải quan cho cơ quan kiểm tra để được kiểm tra chất lượng theo quy định/ <i>This registration is used for customs clearance in term of imported goods. Consigner is required to submit to the inpection body, afterward, all related document of the imported goods</i>

.....ngày/date:
Đại diện tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày/date:
Đại diện cơ quan kiểm tra
(Ký tên, đóng dấu)

13. Đăng ký kiểm tra, xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản bị triệu hồi, trả về

13.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: *Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ về cơ quan kiểm tra (Cục Chăn nuôi/Tổng cục Thủy sản/ Tổ chức chứng nhận sự phù hợp chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu).*

- Bước 2: Cơ quan kiểm tra:

Khi nhận được hồ sơ đăng ký kiểm tra, trong thời hạn 03 ngày làm việc, cơ quan kiểm tra xem xét và hướng dẫn doanh nghiệp bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định.

Trường hợp đầy đủ hồ sơ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, cơ quan kiểm tra xác nhận vào giấy đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng, trong đó có thông báo cho doanh nghiệp về nội dung kiểm tra, thống nhất thời gian và địa điểm sẽ thực hiện kiểm tra.

13.2. Cách thức thực hiện: Chưa quy định.

13.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Hồ sơ gồm:

- Giấy đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng (03 bản) theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017;

- Bản sao chứng thực các giấy tờ: Hợp đồng mua bán, Giấy xác nhận chất lượng của lô hàng trước khi xuất khẩu (nếu có), văn bản triệu hồi hoặc thông báo trả về trong đó nêu rõ nguyên nhân triệu hồi hoặc trả về.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

13.4. Thời hạn giải quyết: *Không quá 06 ngày làm việc.*

- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: *Không quá 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ.*

- Xác nhận vào Giấy đăng ký kiểm tra: *Không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.*

13.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức.

- Cá nhân.

13.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Cơ quan kiểm tra: Cục Chăn nuôi (đối với thức ăn chăn nuôi); Tổng cục Thủy sản (đối với thức ăn thủy sản); Tổ chức chứng nhận sự phù hợp chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu.

13.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: *Xác nhận vào Giấy đăng ký kiểm tra.*

Thời hạn hiệu lực của *Xác nhận vào Giấy đăng ký kiểm tra*: Không.

13.8. Phí, lệ phí (nếu có):

- Đối với thức ăn chăn nuôi: *Không.*

- Đối với thức ăn thủy sản: *Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận vật tư nuôi trồng thủy sản nhập khẩu: 470.000 đồng + Số lượng mẫu x 80.000 đồng/mẫu.*

(Thông tư số 284/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực quản lý chất lượng vật tư nuôi trồng thủy sản; Thông tư số 09/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 284/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực quản lý chất lượng vật tư nuôi trồng thủy sản).

13.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):

Mẫu Giấy đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng (theo Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017).

13.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

13.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

- Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

- Thông tư số 284/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực quản lý chất lượng vật tư nuôi trồng thủy sản.

- Thông tư số 09/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 284/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực quản lý chất lượng vật tư nuôi trồng thủy sản.

15. Kiểm tra giảm chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu có thời hạn

15.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ về Cục Chăn nuôi (đối với thức ăn chăn nuôi) hoặc Tổng cục Thủy sản (đối với thức ăn thủy sản).

- Bước 2: Cục Chăn nuôi/Tổng cục Thủy sản kiểm tra:

Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cục Chăn nuôi/Tổng cục Thủy sản có văn bản trả lời tổ chức, cá nhân nhập khẩu về việc được áp dụng chế độ kiểm tra giảm có thời hạn và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; trong trường hợp không được áp dụng chế độ miễn kiểm tra chất lượng có thời hạn, Cục Chăn nuôi/Tổng cục Thủy sản có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Cơ quan kiểm tra cấp giấy xác nhận chất lượng:

Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra tại hiện trường, cơ quan kiểm tra cấp giấy xác nhận chất lượng cho lô hàng thức ăn chăn nuôi, thủy sản có kết quả kiểm tra đạt yêu cầu.

15.2. Cách thức thực hiện: Chưa quy định.

15.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị được áp dụng chế độ kiểm tra giảm (theo Mẫu số 20 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017);

- Giấy xác nhận chất lượng của 03 lô hàng liên tiếp đạt yêu cầu theo chế độ kiểm tra thông thường (bản sao chụp có xác nhận của tổ chức, cá nhân nhập khẩu) hoặc giấy xác nhận đạt yêu cầu chất lượng và an toàn của tổ chức có thẩm quyền của nước đã thừa nhận lẫn nhau với Việt Nam trong hoạt động kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản hoặc của phòng thử nghiệm nước ngoài được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thừa nhận (bản chính hoặc bản sao chứng thực).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

15.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

15.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức.

- Cá nhân.

15.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Cục Chăn nuôi (đối với thức ăn chăn nuôi); Tổng cục Thủy sản (đối với thức ăn thủy sản).

15.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận chất lượng.

Thời hạn hiệu lực của Giấy xác nhận chất lượng: 12 tháng.

15.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không.

15.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):

Mẫu Đơn đề nghị được áp dụng chế độ kiểm tra giảm (theo Mẫu số 20 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017).

15.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Chế độ kiểm tra giảm áp dụng đối với lô hàng nhập khẩu đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- Là thức ăn chăn nuôi, *thủy sản* nhập khẩu cùng loại do cùng cơ sở sản xuất, của cùng đơn vị nhập khẩu đã có Giấy xác nhận chất lượng của 03 lô hàng nhập khẩu liên tiếp theo chế độ kiểm tra thông thường trong thời gian không quá 12 tháng trước đó;

- Đã được xác nhận đạt yêu cầu chất lượng và an toàn của tổ chức có thẩm quyền của nước *đã thừa nhận lẫn nhau* với Việt Nam trong hoạt động kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi, *thủy sản*; hoặc của phòng thử nghiệm được *Bộ Nông nghiệp và PTNT* đánh giá và thừa nhận.

(Điểm b Khoản 3 Điều 20 Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, *thủy sản*).

15.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, *thủy sản*.

- Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, *thủy sản*.

Mẫu số 20

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIẢM KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG THỨC ĂN CHĂN NUÔI,
THỦY SẢN NHẬP KHẨU**

(Ban hành kèm theo Nghị định số 39/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017)

(Tên tổ chức, cá nhân): **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----- **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày...tháng...năm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIẢM KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN
NHẬP KHẨU**

Kính gửi: (1)

Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại: ; Fax: ; Email:

Đề nghị giảm kiểm tra có thời hạn chất lượng sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu sau đây:

TT	Tên sản phẩm	Mã số công nhận TÁC N được phép lưu hành tại Việt Nam *	Giấy đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng số	Hãng, nước sản xuất	Thời gian nhập khẩu (ngày, tháng, năm)	Giấy xác nhận chất lượng số
I	A					
	Lần 1					
	Lần 2					
	Lần 3					
	Lần 4					

	Lần 5					
II	B					
	...					

* *Số đăng ký nhập khẩu*

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan về nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, *thủy sản*.

Đại diện tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền.

